

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 280/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1980, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Tri P, sinh năm 1979, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 18/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:**

Chị và anh Huỳnh Tri P xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C. Anh chị chung sống với nhau hơn 20 năm, không có con chung nguyên nhân từ anh P nhưng anh P không chịu đi điều trị bệnh hiếm muộn nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh P cho rằng vợ chồng không có con là do chị nên hơn một năm nay anh P không quan tâm, chăm sóc gia đình, những lúc chị bệnh, anh P cũng mặc kệ, không hỏi thăm, chăm sóc làm cho đời sống vợ chồng

ngày càng lạnh nhạt, không còn hạnh phúc. Hiện nay, tuy anh chị vẫn sống chung nhà nhưng hơn một năm nay anh chị không có quan hệ vợ chồng. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C yêu cầu ly hôn với anh P.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai ngày 11/01/2022, bị đơn anh Huỳnh Tri P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân như chị C trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì cả, anh chị vẫn sống rất hạnh phúc. Nay chị C xin ly hôn, anh không đồng ý.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị C có đơn yêu cầu ly hôn với anh P, bị đơn anh P cư trú tại ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh P vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; đồng thời chị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93 vào ngày 12/8/2002, được xem là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị C thì sau khi kết hôn, chị và anh P chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xung đột. Nguyên nhân là do anh P nghĩ chị không sinh được con nên hơn một năm nay, anh P lạnh nhạt, không quan tâm, chăm

sóc những lúc chị C đau bệnh. Hiện tại, tuy anh chị còn sống chung nhà nhưng hơn 01 năm nay anh chị không có quan hệ vợ chồng chứng tỏ giữa chị C và anh P đã không còn tình cảm vợ chồng, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....”*. Do đó, việc chị C và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng cũng không còn sinh hoạt vợ chồng trong thời gian dài chứng tỏ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh P, mở phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn cho các bên nhưng anh P vắng mặt không lý do. Anh P chỉ nộp cho Tòa án bản trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn với chị C nhưng không đến dự phiên tòa để đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy anh P không có ý định hàn gắn tình cảm với chị C. Do đó, chị C yêu cầu xin ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với anh Huỳnh Tri P.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001295 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị C đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị C, anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Thị Mỹ Nhanh

